

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 01 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Khải.

2. Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Thúy V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp G D, xã B P, huyện T H, tỉnh Đ T.

Bị đơn: Lê Hồng D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: K x, thị trấn S R, huyện T H, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Chị Phạm Thị Thúy V và anh Lê Hồng D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Tân Hồng năm 2010. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Định B, sinh ngày 04-5-2015.

Do bất đồng quan điểm, nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó, chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hồng D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình B, sinh ngày 04-5-2015 (hiện đang sống chung với anh D). Chị V đồng ý giao Lê Đình B cho anh D nuôi dưỡng, chị V không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Hồng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nhưng có văn bản ý kiến với nội dung:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Thúy V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình B, sinh ngày 04-5-2015 (hiện đang sống chung với anh D). Anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời anh D có đơn xin vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Do vụ án này Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc các trường hợp phải có Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử mà không có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Chị Phạm Thị Thúy V và anh Lê Hồng D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Bình Phú, huyện Tân Hồng năm 2010. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Vân yêu cầu ly hôn với anh D. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến và tại phiên tòa sơ thẩm anh D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại văn bản ý kiến ngày 29-11-2021 anh D đồng ý ly hôn với chị V. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị V đồng ý để anh D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lê Đình B, sinh ngày 04-5-2015, anh D đồng ý nuôi con, nên chấp nhận để anh D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bắc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D không yêu cầu về việc cấp dưỡng, chị V cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị V là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 55, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy V và anh Lê Hồng D được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Hồng D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Đình B, sinh ngày 04-5-2015 (hiện cháu Bắc đang sống chung với anh D). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thúy V phải chịu án phí hôn nhân

gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002520 ngày 14-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Hồng D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Dung